



Thời gian : 06/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F				
					5%	10%	15%	15%	0%	0%	0%	0%	55%	SỐ	CHỮ		
1	172617013	Lê Thị Ngọc	Ánh	ENG 208 A	K17NAB	8	8	7	7.5					4.2	5.7	Năm Phẩy Bảy	
2	172617014	Nguyễn Thị Hải	Châu	ENG 208 A	K17NAB	8	8	9	8.7					6.2	7.3	Bảy Phẩy Ba	
3	162625019	Hồ Thị Bích	Dân	ENG 208 A	K17NAD	6	6	5	9					6	6.3	Sáu Phẩy Ba	
4	172618878	Hà Thị Thúy	Diễm	ENG 208 A	K17NAB	7	7	5.5	8.5					7.6	7.3	Bảy Phẩy Ba	
5	172627001	Phan Thị Mĩ	Dung	ENG 208 A	K17NAD	10	10	8	9.1					7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
6	172617015	Trần Thị Lệ	Hằng	ENG 208 A	K17NAB	8	8	8	8					5.6	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
7	172617016	Lê Thị	Hương	ENG 208 A	K17NAD	10	10	7.5	9.1					6.3	7.5	Bảy Phẩy Năm	
8	172627002	Phạm Thị	Lê	ENG 208 A	K17NAD	9	9	8.8	9.1					7.6	8.2	Tám Phẩy Hai	
9	172617017	Lê Thị Mỹ	Luyện	ENG 208 A	K17NAB	9	9	6.5	9					6.2	7.1	Bảy Phẩy Một	
10	162625034	Nguyễn Thị Thảo	Ly	ENG 208 A	K17NAD	9	9	8	8.4					5.2	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
11	162616557	Lê Thị	Nhi	ENG 208 A	K17NAB	10	10	9.5	10					7.6	8.6	Tám Phẩy Sáu	
12	171685278	Nguyễn Thụy Quỳnh Như		ENG 208 A	K17NCD2	6	6	6	3					6.2	5.7	Năm Phẩy Bảy	
13	172627004	Nguyễn Thị Kim	Nữ	ENG 208 A	K17NAD	10	10	7	8.7					6.6	7.5	Bảy Phẩy Năm	
14	172617018	Lê Thị Minh	Phương	ENG 208 A	K17NAB	10	10	6	8.7					6.7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
15	171685292	Nguyễn Thị Bích	Thảo	ENG 208 A	K17NCD2	0	0	0	0					HP	0.0	Không	
16	172627007	Hà Thanh	Thu	ENG 208 A	K17NAD	10	10	10	10					7.2	8.5	Tám Phẩy Năm	
17	172627006	Nguyễn Thị Diệu	Thu	ENG 208 A	K17NAD	8	8	6.6	9.7					7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
18	172627008	Nguyễn Đỗ Thị Minh	Thư	ENG 208 A	K17NAD	10	10	6	8.1					4.2	5.9	Năm Phẩy Chín	
19	171685296	Trần Thị	Thuận	ENG 208 A	K17NCD2	10	10	5	9.4					5	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
20	172617021	Trần Thị Kim Phùng	Thủy	ENG 208 A	K17NAB	7	7	3	8.8					5.5	5.8	Năm Phẩy Tám	
21	172617022	Phạm Thị Bích	Thúy	ENG 208 A	K17NAB	10	10	8.2	7.9					5.6	7.0	Bảy	
22	172619020	Đinh Thị	Thủy	ENG 208 A	K17NAB	10	10	8.2	7.8					5.6	7.0	Bảy	
23	172627009	Nguyễn Thị Bích	Thủy	ENG 208 A	K17NAD	8	8	5	8.7					6.6	6.9	Sáu Phẩy Chín	
24	172617023	Hoàng Thị Thùy	Trang	ENG 208 A	K17NAB	8	8	5	8.4					7.6	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
25	172617024	Lê Thị Phương	Trang	ENG 208 A	K17NAB	6	6.6	3	8.4					5	5.4	Năm Phẩy Bốn	
26	171685303	Nguyễn Mai Khánh	Trang	ENG 208 A	K17NCD2	5	5	3	7					4.2	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
27	172627010	Đặng Khánh	Trinh	ENG 208 A	K17NAD	10	10	8.5	9					7.6	8.3	Tám Phẩy Ba	
28	172617025	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	ENG 208 A	K17NAB	10	10	7.5	9.1					8.2	8.5	Tám Phẩy Năm	
29	172618877	Nguyễn Ngọc Kim	Uyên	ENG 208 A	K17NAB	7	7	3	8.7					5.5	5.8	Năm Phẩy Tám	
30	171685309	Nguyễn Thị Hải	Vy	ENG 208 A	K17NCD2	7	7	5	9.4					hp	0.0	Không	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	28	93%	
2	Số sinh viên nợ	2	7%	
TỔNG CỘNG :		30	100%	

NGƯỜI LẬP

Đà năng, ngày 06 tháng 12 năm 2012
TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC & SAU ĐẠI HỌC

PHẠM NGỌC TÍNH

THS. NGUYỄN HỮU PHÚ